

Số: 463/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân: 06608xxxxxxx do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/08/2022.

Địa chỉ thường trú: Số 54 đường X, Phường A, Thành phố C.

Địa chỉ L hệ: Thôn 1, xã T, Tỉnh L.

- Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân: 075182xxxxxx do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/02/2022.

Địa chỉ thường trú: Số 54 đường X, Phường A, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ngọc L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn 35/2008, quyển số 01/2007 do UBND phường Y, Quận G, Thành phố C (nay là UBND Phường A, Thành phố C), cấp ngày 04/4/2008.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 06/01/2026; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/03/2026; Ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày dd/mm/2008, Nguyễn Minh P, sinh ngày

dd/mm/2015 và Nguyễn Minh T, sinh ngày dd/mm/2018. Ông H và bà L thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Minh Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà L thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ngọc L tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/03/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:mm

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2008, quyển số 01/2007 do UBND phường Y, Quận G, Thành phố C (nay là UBND Phường A, Thành phố C), cấp ngày 04/4/2008 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày dd/mm/2008, Nguyễn Minh P, sinh ngày dd/mm/2015 và Nguyễn Minh T, sinh ngày dd/5mm2018. Ông H và bà L thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Minh Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà L thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ngọc L phải nộp toàn bộ lệ phí nên được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông H và bà L đã nộp theo biên lai thu số 0005739 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND Phường A, TP.C (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2008, quyền số 01/2007 ngày 04/4/2008);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo